

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 24-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm Sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: đường D, Khóm M, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Trương Thị Cẩm Q, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: đường B, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 06 tháng 01 năm 2023, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Vào khoảng năm 2010 bà T có cho bà Trương Thị Cẩm Q vay tiền nhiều lần với tổng số tiền vốn vay khoảng 80.000.000 đồng (bà T không nhớ cụ thể giao tiền cho bà Q nhận vào ngày tháng nào, mỗi lần nhận số tiền bao nhiêu). Khi vay hai bên thoả thuận lãi suất 3%/tháng, việc vay tiền không có làm biên nhận. Sau khi nhận tiền, bà Q không có đóng lãi và trả tiền vốn vay cho bà T theo thoả thuận nên vào

ngày 28/7/2011, bà T với bà Q thống nhất nhập tiền lãi chưa trả vào số tiền vốn vay 80.000.000 đồng và ký lại Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2011, với số tiền vay là 100.000.000 đồng, việc vay tiền không có lãi suất. Tuy nhiên, trước đó vào ngày 01/10/2010, bà Q có trả cho bà T được số tiền vốn vay 10.000.000 đồng nên bà Q có ghi vào mặt sau Hợp đồng vay tiền ngày 28/7/2011. Sau đó, đến ngày 25/3/2012, bà Q có trả thêm cho bà T được số tiền vốn vay 5.000.000 đồng và ghi vào mặt sau Hợp đồng vay tiền ngày 28/7/2011. Từ đó cho đến nay, bà Q không trả tiền vốn vay cho bà T nữa.

Nay bà Huỳnh Thị T yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc bà Trương Thị Cẩm Q trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay đã nhận là 85.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

**** Tại phiên toà sơ thẩm:***

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể bà T chỉ yêu cầu bà Q trả số tiền vốn vay thực tế mà bà Q đã nhận của bà T là 80.000.000 đồng trừ đi số tiền vốn vay mà bà Q đã trả 15.000.000 đồng; còn lại 65.000.000 đồng và không yêu cầu bà Q trả lãi.

- Đối với bị đơn bà Trương Thị Cẩm Q: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Trương Thị Cẩm Q không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Cẩm Q; cư trú: đường B, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 65.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trương Thị Cẩm Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Cũng tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó, bà T chỉ yêu cầu bị đơn bà Q trả số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay còn nợ là 65.000.000 đồng, thấy rằng:

[4.1] Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: vào khoảng năm 2010 bà T có cho bà Trương Thị Cẩm Q vay tiền nhiều lần với tổng số tiền vốn vay khoảng 80.000.000 đồng (bà T không nhớ cụ thể giao tiền cho bà Q nhận vào ngày tháng nào, mỗi lần nhận số tiền bao nhiêu). Khi vay hai bên thoả thuận lãi suất 3%/tháng, việc vay tiền không có làm biên nhận. Sau khi nhận tiền, bà Q không có đóng lãi và trả tiền vốn vay cho bà T theo thoả thuận nên vào ngày 28/7/2011, bà T với bà Q thống nhất nhập tiền lãi chưa trả vào số tiền vốn vay 80.000.000 đồng và ký lại Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2011, với số tiền vay là 100.000.000 đồng, việc vay tiền không có lãi suất. Bà T đã cung cấp cho Tòa án bản chính Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2011 có chữ ký và chữ viết tên của bà Trương Thị Cẩm Q. Đồng thời, trong quá trình vay tiền, bà Q đã trả tiền vốn vay cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho bà Q biết các tài liệu chứng cứ trên nhưng bà Q không có ý kiến phản đối. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà Huỳnh Thị T và bà Trương Thị Cẩm Q có giao kết Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2011.

[4.2] Xét thấy, theo hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2011 thể hiện bà T có cho bà Q vay số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, bà T thừa nhận chỉ cho bà Q vay số tiền 80.000.000 đồng, do bà Q không trả lãi và trả tiền vốn vay cho bà T theo thoả thuận nên vào ngày 28/7/2011, bà T với bà Q thống nhất nhập tiền lãi chưa trả vào số tiền vốn vay 80.000.000 đồng

và ký lại Hợp đồng vay vốn ngày 28/7/2011, với số tiền vay là 100.000.000 đồng. Nay bà T chỉ yêu cầu bà Q trả lại số tiền vốn vay đã nhận là 80.000.000 đồng trừ đi số tiền vốn vay mà bà Q đã trả 15.000.000 đồng; còn lại 65.000.000 đồng. Như vậy, bà Trương Thị Cẩm Q đã nhận của bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng nhưng chỉ mới trả cho bà T số tiền vốn vay là 15.000.000 đồng, còn lại số tiền vốn vay 65.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Do đó, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T yêu cầu bị đơn bà Q trả lại số tiền vốn vay 65.000.000 đồng còn nợ là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Huỳnh Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn bà Trương Thị Cẩm Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.250.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463 và Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Trương Thị Cẩm Q có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền vốn vay là 65.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn vay chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Cẩm Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.250.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.125.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0000936 ngày 06/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thị Kim Hằng